

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Huy;
2. Bà Trương Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiên Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 10/2018/TB - TA ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 11, khóm Mỹ H, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng K, sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ 11, khóm Mỹ H, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 11, khóm Mỹ H, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Chị Trần Thị N có mặt;

Anh Nguyễn Hồng K vắng mặt có yêu cầu và có đơn xét xử vắng mặt;

Bà Huỳnh Thị Ngọc H có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng đề ngày 09/10/2017 và trong quá trình xét xử, chị Trần Thị N cho biết:

Chị N và anh Nguyễn Hồng K quen biết nhau qua mai mối và chị đồng ý kết hôn với anh Khá. Hôn nhân có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh M, thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang; kết hôn giấy chứng nhận kết hôn số 78/HT; quyền số 01.

Sau hôn nhân chị về làm dâu nhà chồng, cuộc sống chung hạnh phúc, anh K luôn quan tâm đến vợ con. Thời gian gần đây anh K thay đổi tính tình, luôn lạnh nhạt với vợ con, không còn quan tâm như trước. Qua tìm hiểu chị phát hiện anh K có quan hệ người phụ nữ khác, anh K kiếm chuyện và xúc phạm chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị có yêu cầu ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K chung sống với nhau sanh 02 con chung tên:

1. Nguyễn Thị Diệu Hu, sinh ngày 25/02/2011;

2. Nguyễn Gia Kha, sinh ngày 03/10/2015.

Về tài sản chung gồm có:

Đất nông nghiệp diện tích 11.500 m² tọa lạc tại xã Vĩnh Ch, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, vợ chồng cùng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá 45.000 đồng/m² x 11.500 m² = 517.500.000 đồng. Tự thỏa thuận và không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Hồng K vắng mặt có ý kiến bằng văn bản, anh cho rằng, anh thống nhất lời khai của chị N về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân và con chung, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc do không phù hợp nhau, cả hai không còn sống chung với nhau hơn một năm nay. Từ đó vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, anh đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị Nguồn. Về con chung, hiện anh có điều kiện kinh tế ổn định nên anh xin nuôi dạy 02 con chung tên: Nguyễn Thị Diệu Hu, sinh ngày 25/02/2011, Nguyễn Gia Kha, sinh ngày 03/10/2015 và không yêu cầu chị Kh cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Hồng K nhưng anh K có ý kiến xin vắng mặt không tham gia, nên việc Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không tiến hành hòa giải được.

** Các tài liệu, chứng cứ do chị N cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình:*

- Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn;
- Bản photo Sổ Hộ khẩu gia đình và giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị N;
- Bản sao Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Diệu Hu, sinh ngày 25/02/2011;
- Bản sao Giấy khai sinh tên Nguyễn Gia Kha, sinh ngày 03/10/2015.

Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị Ngọc H là mẹ của anh Nguyễn Hồng K cho biết:

Bà có nhận thông báo thụ lý vụ án số 476/TBTLVA ngày 25/12/2017; Thông báo số 752/TB – TA ngày 25/12/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc và Thông báo số 10/TB – TA ngày 11/01/2018. Sau khi nhận được bà có liên lạc và thông báo cho K biết nhưng do K mua bán, không có thời gian rảnh nên không thể đến Tòa án tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa theo yêu cầu của Tòa án.

Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Nguyễn Hồng K nhưng anh K vắng mặt và anh có gửi bằng tự khai thể hiện ý kiến của anh là anh đồng ý thuận tình ly hôn và xin không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

- Hội đồng xét xử công bố:

Bảng ý kiến của anh Nguyễn Hồng K; lời khai của bà Huỳnh Thị Ngọc H và ý kiến của cháu Nguyễn Thị Diệu Hu.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Nhận thấy, giữa chị N và anh K có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, chị N cho biết vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn do nhưng anh K không quan tâm chăm sóc gia đình

Căn cứ lời khai của chị N, ý kiến của anh K, lời khai của bà H cho thấy tình cảm vợ chồng K – N có mâu thuẫn, không hạnh phúc. Hiện vợ chồng cũng đã không còn sống chung. Do đó, việc chị N và anh K thuận tình ly hôn là có căn cứ.

Con chung:

Anh Nguyễn Hồng K đang nuôi dạy 02 con chung và chị N đồng ý, không tranh chấp nên giao cho anh K nuôi dạy, anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung, nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh chị K – N khai thống nhất tự thỏa thuận và về nợ chung: Anh chị khai thống nhất không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[Về tố tụng]:

Về thẩm quyền:

Nguyên đơn chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Hồng K. Anh K cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn:

Anh Nguyễn Hồng K có yêu cầu và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[Về nội dung]:

Chị N và anh K kết hôn qua mai mối của gia đình; tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh M, thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang, nên xem là hôn nhân hợp pháp. Ý kiến trình bày của chị N và anh K thống nhất thuận tình ly hôn, do tình cảm vợ chồng không còn.

Thấy rằng, vợ chồng chung sống phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vun đắp và cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hiện nay anh K, chị N đã không còn sống chung và không quan tâm chăm sóc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin thuận tình ly hôn của chị N và K là có căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[Về con chung]:

Trong thời gian chung sống, chị N và anh K khai sinh được 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Thị Diệu Hu, sinh ngày 25/02/2011 và Nguyễn Gia Kha, sinh ngày 03/10/2015, hiện do anh K nuôi dạy, chị N thống nhất giao hai con chung cho anh K nuôi dạy, chị không tranh chấp, anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận trên.

Anh Nguyễn Hồng K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trần Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[Về tài sản chung]: Chị N và anh K tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[Về nợ chung]: Chị N và anh K khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm]:

Chị N tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Hồng K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Hồng K;

2. *Về nuôi con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị N và anh Nguyễn Hồng K về việc nuôi dạy con chung:

Anh Nguyễn Hồng K nuôi dạy hai con chung: Nguyễn Thị Diệu Hu, sinh ngày 25/02/2011 và Nguyễn Gia Kha, sinh ngày 03/10/2015. Chị Trần Thị N không phải cấp dưỡng cho anh Nguyễn Hồng K nuôi con chung.

Anh Nguyễn Hồng K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trần Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị N tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0015030 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đức.

Anh Nguyễn Hồng K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trần Thị N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Hồng K được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Nga